



TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Số: 168 /CV-TCKT

(V/v: Giải trình chênh lệch giữa số liệu bc tài chính giữa niên độ 2021 đã được soát xét bởi Kiểm toán so với bc tài chính đã công bố; lợi nhuận năm lũy kế 6 tháng đầu năm 2021 giảm hơn 10% so với cùng kỳ năm 2020)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2021.

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
 SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Căn cứ vào Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Sông Đà 6.

Căn cứ Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C - Chi nhánh Hà Nội.

Công ty cổ phần Sông Đà 6 xin giải trình về việc chênh lệch các chỉ tiêu tài chính sau khi kiểm toán giữa niên độ năm 2021 so với số liệu trên báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2021 trước khi thực hiện kiểm toán, cụ thể như sau:

I. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2021

TT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số liệu đã công bố	Số liệu kiểm toán	Chênh lệch
			Số cuối kỳ	Số cuối kỳ	
A	B	C	1	2	3=2-1
	TÀI SẢN				
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	1.002.389.215.936	1.002.530.873.170	141.657.234
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	435.303.875.396	435.303.875.396	0
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	402.576.121.671	460.182.850.601	57.606.728.930
6	Phải thu ngắn hạn khác	136	65.658.148.364	8.051.419.434	(57.606.728.930)
IV	Hàng tồn kho	140	564.373.004.531	564.514.661.765	141.657.234
1	Hàng tồn kho	141	564.373.004.531	564.514.661.765	141.657.234
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	295.077.407.215	294.613.749.981	(463.657.234)
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250	1.744.322.987	1.748.684.315	4.361.328
4	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	(1.857.677.013)	(1.853.315.685)	4.361.328
VI	Tài sản dài hạn khác	260	20.298.032.302	19.830.013.740	(468.018.562)
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	20.298.032.302	19.830.013.740	(468.018.562)



	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	1.297.466.623.151	1.297.144.623.151	(322.000.000)
	NGUỒN VỐN				
C	NỢ PHẢI TRẢ	300	839.720.754.497	838.620.845.931	(1.099.908.566)
I	Nợ ngắn hạn	310	834.443.452.687	831.565.722.830	(2.877.729.857)
9	Các khoản phải trả ngắn hạn	319	147.625.468.044	147.626.144.566	676.522
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	352.486.430.753	350.386.609.462	(2.099.821.291)
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	1.059.639.091	281.054.003	(778.585.088)
II	Nợ dài hạn	330	5.277.301.810	7.055.123.101	1.777.821.291
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.277.301.810	7.055.123.101	1.777.821.291
D	Vốn chủ sở hữu	400	457.745.868.654	458.523.777.220	777.908.566
I	Vốn chủ sở hữu	410			
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1.889.919.221	2.667.827.787	777.908.566
-	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	796.585.089	1.575.170.177	778.585.088
-	LNST chưa phân phối kỳ này	421b	1.093.334.132	1.092.657.610	(676.522)
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1.297.466.623.151	1.297.144.623.151	(322.000.000)

Nguyên nhân chênh lệch:

1. Chỉ tiêu 100 - Tài sản ngắn hạn: Chênh lệch tăng 141.657.234 đồng, là do điều chỉnh chỉ tiêu Hàng tồn kho (chỉ tiêu 140)
2. Chỉ tiêu 131 – Phải thu ngắn hạn của khách hàng: Chênh lệch tăng số tiền 57.606.728.930 đồng, là do tại thời điểm Công ty lập báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 nên khách hàng chưa ký được hồ sơ nghiệm thu nên Công ty hạch toán vào chỉ tiêu 136 – Phải thu ngắn hạn khác, đến thời điểm kiểm toán soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ 2021 thì khách hàng đã ký xong hồ sơ nghiệm thu nên Kiểm toán độc lập điều chỉnh giảm chỉ tiêu 136 – Phải thu ngắn hạn khác và tăng chỉ tiêu 131 – Phải thu ngắn hạn khách hàng số tiền tương ứng.
3. Chỉ tiêu 136 – Phải thu ngắn hạn khác: Chênh lệch giảm số tiền 57.606.728.930 đồng, nguyên nhân như giải thích ở mục 2.
4. Chỉ tiêu 140 – Hàng tồn kho: Chênh lệch tăng 141.657.234 đồng, là do Kiểm toán độc lập điều chỉnh giảm chỉ tiêu 261 – Chi phí trả trước dài hạn và tăng chỉ tiêu 140 – Hàng tồn kho số tiền tương ứng, do các công cụ dụng cụ đã xuất kho cho các Đội sản xuất quản lý nhưng tại thời điểm hiện tại chưa dùng đến nên cho nhập lại kho công cụ dụng cụ.
5. Chỉ tiêu 141 – Hàng tồn kho: Như giải trình ở mục 4.
6. Chỉ tiêu 250 – Đầu tư tài chính dài hạn: Chênh lệch tăng 4.361.328 đồng là do điều chỉnh ở chỉ tiêu 254 – Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.
7. Chỉ tiêu 254 – Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn: Chênh lệch tăng 4.361.328 đồng là do Kiểm toán độc lập đề nghị trích lập bổ sung dự phòng khoản đầu tư tài chính vào Công ty cổ phần Vận tải dầu Phương Đông Việt số tiền: 20.400.000 đồng, và điều

chính trích lập dự phòng đầu tư tài chính vào Công ty CP đầu tư và Phát triển Vân Phong số tiền: 24.761.328 đồng.

8. Chỉ tiêu 260 – Tài sản dài hạn khác: Chênh lệch giảm 468.018.562 đồng là do điều chỉnh giảm chỉ tiêu 261 – Chi phí trả trước dài hạn.

9. Chỉ tiêu 261 – Chi phí trả trước dài hạn: Chênh lệch giảm 468.018.562 đồng là do nhập lại kho công cụ dụng cụ (Chỉ tiêu 141 – Hàng tồn kho) những công cụ dụng cụ đã xuất dùng nhưng chưa sử dụng đến số tiền: 141.657.234 đồng. Số chi phí trả trước còn lại số tiền 326.361.328 đồng, Kiểm toán độc lập đề nghị phân bổ bổ sung vào giá vốn hàng bán trong kỳ do trong kỳ phân bổ thiếu.

10. Chỉ tiêu 270 – Tổng cộng tài sản: Chênh lệch giảm 322.000.000 đồng là do điều chỉnh các chỉ tiêu trên.

11. Chỉ tiêu 300 – Nợ phải trả: Chênh lệch giảm 1.099.908.566 đồng là do điều chỉnh các chỉ tiêu 319 – Các khoản phải trả ngắn hạn, chỉ tiêu 320 – Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và chỉ tiêu 322 – Quỹ khen thưởng phúc lợi.

12. Chỉ tiêu 319 – Các khoản phải trả ngắn hạn: Chênh lệch tăng số tiền 676.522 đồng là do điều chỉnh giảm lợi nhuận, đồng thời tăng kinh phí công đoàn số tiền: 452.489 đồng, và tăng tiền bảo hiểm xã hội số tiền 224.033 đồng.

13. Chỉ tiêu 320 – Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn: Chênh lệch giảm số tiền 2.099.821.291 đồng, là do sơ suất nên đơn vị đã hạch toán nhầm khoản tiền nợ vay gốc ngắn hạn 322.000.000 đồng vào chi phí tài chính, nay Kiểm toán độc lập điều chỉnh giảm chi phí tài chính số tiền 322.000.000 đồng, đồng thời tăng nợ vay gốc ngắn hạn số tiền tương ứng. Ngoài ra số tiền chênh lệch còn lại là 1.777.821.291 đồng do Kiểm toán độc lập xác định là khoản Nợ dài hạn (Chỉ tiêu 330) chưa phải trả trong vòng 12 tháng tới nên điều chỉnh giảm Nợ dài hạn đến hạn trả và tăng Nợ dài hạn.

14. Chỉ tiêu 322 – Quỹ khen thưởng phúc lợi: Chênh lệch giảm 778.585.088 đồng, là khoản tiền trích từ phân phối lợi nhuận năm trước đơn vị đã hạch toán vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 nên Công ty đã không kịp thời tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên trong 6 tháng đầu năm 2021, do thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên lùi lại tổ chức trong tháng 07/2021 nên căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Kiểm toán độc lập điều chỉnh giảm khoản đã trích từ lợi nhuận năm trước và tăng chỉ tiêu 421a – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước, đồng thời đơn vị sẽ hạch toán trích lập lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến kỳ trước khoản tiền trên vào quỹ khen thưởng phúc lợi trong tháng 7/2021.

15. Chỉ tiêu 338 – Vay và nợ thuê tài chính dài hạn: Chênh lệch tăng số tiền: 1.777.821.291 đồng, như giải trình ở mục 13.

16. Chỉ tiêu 421a – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước: Chênh lệch tăng 778.585.088 đồng, như giải trình ở mục 14.

17. Chỉ tiêu 421b – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này: Chênh lệch giảm 676.522 đồng, như giải trình ở mục 12.

18. Chỉ tiêu 440 - Tổng cộng nguồn vốn: Chênh lệch giảm 322.000.000 đồng, là do điều chỉnh các nội dung giải trình trên.

II. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021

TT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số liệu đã công bố	Số liệu kiểm toán	Chênh lệch
A	B	C	1	2	3=2-1
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	291.951.611.778	289.923.029.329	(2.028.582.449)
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	2.028.582.449		(2.028.582.449)
3	Giá vốn hàng bán	11	248.774.517.736	249.100.879.064	326.361.328
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	41.148.511.593	40.822.150.265	(326.361.328)
5	Chi phí tài chính	22	18.032.138.591	17.158.835.253	(873.303.338)
-	Trong đó: Lãi vay phải trả	23	17.020.891.478	16.653.833.979	(367.057.499)
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	1.133.369.101	1.680.311.111	546.942.010
7	Chi phí khác	32	1.669.198.714	2.216.140.724	546.942.010
8	Lợi nhuận khác	40	291.258.586	(255.683.424)	(546.942.010)

Nguyên nhân chênh lệch:

1. Chỉ tiêu 01 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Chênh lệch giảm 2.028.582.449 đồng, là do Kiểm toán độc lập điều chỉnh chỉ tiêu 02 – Các khoản giảm trừ doanh thu trừ trực tiếp vào Chỉ tiêu 01, các khoản giảm trừ này là khoản giảm trừ giá trị khối lượng XDCB hoàn thành do quyết toán công trình xây lắp với Chủ đầu tư.

2. Chỉ tiêu 02, – Các khoản giảm trừ doanh thu: Giải trình như ở mục 1.

3. Chỉ tiêu 11 - Giá vốn hàng bán: Tăng 326.361.328 đồng, do Kiểm toán độc lập đề nghị phân bổ bổ sung chi phí trả trước dài hạn vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Chỉ tiêu 20 - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ: Chênh lệch giảm 326.361.328 đồng, do Công ty phân bổ bổ sung chi phí trả trước dài hạn vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5. Chỉ tiêu 22 - Chi phí tài chính: Chênh lệch giảm 873.303.338 đồng, là do Kiểm toán độc lập điều chỉnh:

- Giảm chi phí lãi vay lưu động, tăng nợ gốc vay ngắn hạn số tiền: 322.000.000 đồng.

- Giảm chi phí tài chính, tăng chi phí khác (chỉ tiêu 32) số tiền: 546.942.010 đồng, do đây là khoản lãi chậm trả tiền BHXH.

- Tính toán lại làm giảm chi phí lãi vay vốn phải trả số tiền: 45.057.499 đồng

6. Chỉ tiêu 30 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: Giảm 384.863.143 đồng, do Công ty trích bổ sung khấu hao tài sản cố định.

7. Chỉ tiêu 32 - Chi phí khác: Tăng 546.942.010 đồng, do Công ty hạch toán điều chỉnh tiền lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội giảm từ chỉ tiêu 22 – Chi phí tài chính, tăng chi phí khác.

III. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

TT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số liệu đã công bố	Số liệu kiểm toán	Chênh lệch
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm nay)	
A	B	C	1	2	3=2-1
1	Các khoản dự phòng	03	(25.000.000)	(29.361.328)	(4.361.328)
2	Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	3.261.745	(654.545.455)	(657.807.200)
3	Chi phí lãi vay	06	17.020.891.478	16.653.833.979	(367.057.499)
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	27.239.199.682	26.209.973.655	(1.029.226.027)
5	Tăng giảm các khoản phải thu	09	47.902.005.263	49.352.412.750	1.450.407.487
6	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(5.076.256.744)	(5.217.913.978)	(141.657.234)
7	Tăng giảm các khoản phải trả	11	(19.040.097.689)	(6.501.193.320)	12.538.904.369
8	Tiền lãi vay đã trả	14	(14.097.002.016)	(15.227.530.269)	(1.130.528.253)
9	Thuế TNDN đã nộp	15		(777.464.591)	(777.464.591)
10	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	3.721.217.700	(3.721.217.700)	(7.442.435.400)
11	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	34.897.450.932	38.833.469.845	3.936.018.913
12	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.189.850.000	654.545.455	(535.304.545)
13	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.189.850.000	654.545.455	(535.304.545)
14	Tiền thu từ đi vay	33	232.175.491.493	228.751.412.426	(3.424.079.067)
15	Tiền trả nợ gốc vay	34	(273.383.391.778)	(273.360.027.079)	23.364.699
16	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(45.131.707.101)	(48.532.421.469)	(3.400.714.368)

Nguyên nhân chênh lệch:

1. Chỉ tiêu 03 - Các khoản dự phòng giảm 4.361.328 đồng, do Kiểm toán độc lập đề nghị trích lập bổ sung dự phòng khoản đầu tư tài chính vào Công ty cổ phần Vận tải dầu Phương Đông Việt số tiền: 20.400.000 đồng, và điều chỉnh trích lập dự phòng đầu tư tài chính vào Công ty CP đầu tư và Phát triển Vân Phong số tiền: 24.761.328 đồng.

2. Chỉ tiêu 05 – Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư: Kiểm toán độc lập xác định điều chỉnh tăng khoản lãi do thanh lý nhượng bán tài sản cố định.

3. Chỉ tiêu 06 – Chi phí lãi vay:

- Giảm chi phí lãi vay lưu động, tăng nợ gốc vay ngắn hạn số tiền: 322.000.000 đồng.

- Tính toán lại làm giảm chi phí lãi vay vốn phải trả số tiền: 45.057.499 đồng

4. Chỉ tiêu 08 - Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động giảm 1.029.226.027 đồng, Các khoản điều chỉnh trên làm ảnh hưởng đến việc giảm tại Chỉ tiêu 08.

5. Chỉ tiêu 09 - Tăng giảm các khoản phải thu: Tăng 1.450.407.487 đồng, Công ty tính toán lại theo ý kiến của Kiểm toán độc lập.

6. Chỉ tiêu 10 – Tăng, giảm hàng tồn kho: Giảm 141.657.234 đồng, là do Kiểm toán độc lập điều chỉnh giảm chỉ tiêu Chi phí trả trước dài hạn và tăng chỉ tiêu Hàng tồn kho số tiền tương ứng, do các công cụ dụng cụ đã xuất kho cho các Đội sản xuất quản lý nhưng tại thời điểm hiện tại chưa dùng đến nên cho nhập lại kho công cụ dụng cụ.

7. Chỉ tiêu 11 - Tăng giảm các khoản phải trả: Tăng 12.538.904.369 đồng, Công ty tính toán lại theo ý kiến của Kiểm toán độc lập.

8. Chỉ tiêu 12 – Tăng, giảm chi phí trả trước: Tăng 468.018.562 đồng, là do nhập lại kho công cụ dụng cụ đã xuất dùng nhưng chưa sử dụng đến số tiền: 141.657.234 đồng. Số chi phí trả trước còn lại số tiền 326.361.328 đồng, Kiểm toán độc lập đề nghị phân bổ bổ sung vào giá vốn hàng bán trong kỳ do trong kỳ phân bổ thiếu.

9. Chỉ tiêu 14 - Tiền lãi vay đã trả: Giảm 1.130.528.253 đồng, Công ty tính toán lại theo ý kiến của Kiểm toán độc lập.

10. Chỉ tiêu 15 - Thuế TNDN đã nộp: Giảm 777.464.591 đồng, Công ty ghi nhận thiếu khoản thuế TNDN đã nộp cho NSNN.

11. Chỉ tiêu 17 – Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh: Giảm 7.442.435.400 đồng, do Công ty ghi lộn số âm thành số dương.

12. Chỉ tiêu 20 - Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh: Tăng 3.936.018.913 đồng, do các khoản điều chỉnh trên làm ảnh hưởng đến Chỉ tiêu 20.

13. Chỉ tiêu 22 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác giảm 535.304.545 đồng, Đơn vị tính toán lại theo ý kiến của Kiểm toán độc lập.

14. Chỉ tiêu 30 - Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư giảm 535.304.545 đồng, do điều chỉnh lại Chỉ tiêu 22 làm ảnh hưởng đến Chỉ tiêu 30.

15. Chỉ tiêu 33 - Tiền thu từ đi vay tăng: Giảm 3.424.079.067 đồng, Công ty tính toán lại theo ý kiến của Kiểm toán độc lập.

16. Chỉ tiêu 34 – Tiền trả nợ gốc vay: Tăng 23.364.699 đồng, Công ty tính toán lại theo ý kiến của Kiểm toán độc lập.

17. Chỉ tiêu 40 - Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính: Giảm 3.400.714.368 đồng, do điều chỉnh lại các Chỉ tiêu 33, 34 nên làm ảnh hưởng đến Chỉ tiêu 40.

1. Lợi nhuận lũy kế 6 tháng đầu năm 2021 giảm hơn 10% so với lũy kế 6 tháng đầu năm 2020:

Một số chỉ tiêu như sau:

STT	Chỉ tiêu	Lũy kế 6 tháng đầu năm 2020	Lũy kế 6 tháng đầu năm 2021	Tỷ lệ
-----	----------	-----------------------------	-----------------------------	-------

A	B	1	2	3=2/1
1	Tổng doanh thu	340.868.398.096	291.886.748.374	86%
2	Tổng chi phí	339.039.672.588	290.462.120.687	86%
3	Lợi nhuận trước thuế	1.828.725.508	1.424.627.687	78%
4	Lợi nhuận sau thuế	1.435.183.716	1.092.657.610	76%

Ban lãnh đạo điều hành Công ty thường xuyên chỉ đạo sát sao nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong công tác nghiệm thu thanh toán và thu tiền về tài khoản nhằm đảm bảo nguồn vốn phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, việc giãn cách xã hội ở các địa phương ảnh hưởng rất lớn đến công tác nghiệm thu thanh toán, thu tiền về tài khoản của Công ty, làm giảm doanh thu, và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2021 giảm 24% so với cùng kỳ năm 2020, nguyên nhân do:

+ Trong 6 tháng đầu năm 2021 các Công trình lớn Công ty thi công đã đi vào giai đoạn hoàn thiện bàn giao và quyết toán với Chủ đầu tư như Gói thầu XL2 Công trình nhà Quốc Hội, các công thủy điện Huội Quảng, thủy điện Đồng Nai 5, thủy điện Xekaman 3 và Xekaman 1 - Sanxay tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân Dân Lào, Công trình Nhà ở Tái định cư X2 - Đại Kim tại Hà Nội,... công tác nghiệm thu thanh toán không đạt tiến độ đề ra nên giá trị dở dang lớn, các khoản công nợ chờ quyết toán và chờ bảo hành tăng lên làm ảnh hưởng đến nguồn vốn, phát sinh tăng chi phí tài chính của Công ty.

+ Phát sinh chi phí ban đầu do di chuyển lực lượng thi công, máy móc thiết bị để triển khai thi công Công trình thủy điện Hạ Sê Kông và Công trình thủy điện Nậm Mô tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

+ Do ảnh hưởng của dịch Covid - 19, việc giãn cách xã hội ảnh hưởng rất lớn tới công tác nghiệm thu thanh toán và thu tiền về tài khoản tại các công trình.

+ Ngoài ra, Công ty chủ yếu thi công các công trình đấu thầu có biên lợi nhuận thấp hơn các công trình chỉ định thầu trước đây.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu TCKT, VP.

NGƯỜI ĐƯỢC UQ CBTT

Trần Ngọc Ánh